TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2024/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 22 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

+ **Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1988**;

+ **Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1992;**

Cùng địa chỉ: Số x, ngõ x N M, Tổ dân phố số x N M, phường M Đ x, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tình cảm: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Huyền Tchung sống với nhau thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không có biện pháp hòa giải đoàn tụ được với nhau. Nay anh T, chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Nhận thấy hôn nhân của anh Phạm Văn Tvà chị Nguyễn Thị Huyền Tkết hôn và đăng ký ngày 16/12/2013, tại UBND xã M K (nay là phường MK, quận B T L), là hôn nhân hợp pháp. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị T là phù hợp với qui định pháp luật.

[2] Về con chung: Anh T, chị T có 01 con chung là P G K, sinh ngày 07/9/2014, ly hôn anh T, chị T thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Gia K, cho chị Nguyễn Thị Huyền T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị Trang là 3.000.000đồng/tháng kể từ ngày có Quyết định ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Việc hôn nhân gia đình: Chị T tự nguyện chịu và nộp cả án, lệ phí giải quyết Việc hôn nhân gia đình.

Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 01 năm 2024, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Tvà chị Nguyễn Thị Huyền Tthuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Phạm Gia K, sinh ngày 07/9/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị T là 3.000.000đồng/tháng kể từ ngày có Quyết định ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

2/ Về án, lệ phí: Chị T tự nguyện chịu và nộp cả 300.000đồng lệ phí Việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị đã nộp tại biên lai số: 0009269, ngày 08/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành lệ phí. Chị T đã nộp đủ.

3/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- VKS ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND phường Minh Khai, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. (Số:133; Quyển số 01/2013).
- Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Quỳnh